

Số: 6046/QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng
Dự án thành phần “DATP2: Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất
Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ”
thuộc dự án “Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho khối Trường
khu vực Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT số 3243/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021 và số 4083/QĐ-BNN-KH ngày 27/10/2022 phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho khối Trường khu vực Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long”;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10 tại Tờ trình số 67/TTr-BQL10-TĐ ngày 28/12/2023 và Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ tại Tờ trình số 887/TTr-CĐCĐ ngày 28/12/2023 trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần “DATP2: Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ” thuộc dự án “Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho khối trường khu vực Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại Báo cáo thẩm định số 2068/BC-XD-TĐ ngày 29/12/2023) và Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần “DATP2: Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ” với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án thành phần “DATP2: Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ” thuộc dự án “Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho khối Trường khu vực Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long”.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại công trình, dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và PTNT;

- Nhóm dự án: Nhóm B;

- Cấp công trình: Cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10.

5. Chủ đầu tư DATP (từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc dự án): Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Đầu tư xây dựng đô thị và Công ty cổ phần kiến trúc và xây dựng AVITYCO.

- Chủ nhiệm thiết kế: Kỹ sư Trương Đức Huỳnh.

7. Mục tiêu, nhiệm vụ đầu tư: Đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, từng bước đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ giai đoạn đến năm 2025 và những năm tiếp theo, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ; từng bước thực hiện định hướng chiến lược và quy hoạch của Trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Địa điểm xây dựng: Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ phường Phước Thới, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ.

9. Quy mô, nội dung đầu tư:

a) Khu A (khu trung tâm):

- Xây dựng mới Nhà ăn và căng tin thuộc Khu ký túc xá: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 750m²;

- Xây dựng mới Nhà nuôi trồng thủy sản: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 1.021m²;

- Cải tạo, nâng cấp Nhà hiệu bộ cũ thành thư viện: Diện tích sàn khoảng 1.200m²;

- Cải tạo, nâng cấp giảng đường H1: Diện tích sàn khoảng 1.097m²;
- Cải tạo Khu giáo dục thể chất (sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng rổ): Diện tích khoảng 6.000m²;

b) Khu B (xưởng thực hành):

- Xây dựng mới Xưởng thực hành cơ khí ô tô: Nhà 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 850m², tổng diện tích sàn khoảng 1.200m²;
- Xây dựng mới Xưởng thực hành Điện công nghiệp – Điện lạnh: Nhà 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 840m², tổng diện tích sàn khoảng 1.680m²;
- Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (khu A và khu B);
- Mua sắm trang thiết bị công trình.

10. Giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

10.1 Xây dựng mới Nhà ăn và căng tin thuộc Khu ký túc xá:

a) Kiến trúc: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 750m²; bước gian 6,0m, nhịp nhà 7,5m; mặt bằng bố trí phòng ăn, bếp, căng tin, kho...

b) Kết cấu: Kết cấu chịu lực chính là hệ khung bê tông cốt thép; móng sử dụng cọc bê tông cốt thép; đài, giằng móng, cột, dầm, trần bằng BTCT đổ tại chỗ.

c) Hoàn thiện:

- Tường bao xây gạch không nung, trát vữa xi măng, sơn nước bên trong và sơn chống thấm bên ngoài; mái lợp tôn chống nóng;
- Cửa sổ và cửa đi khung nhôm hệ (tương đương Xingfa) kính an toàn;
- Sàn các phòng lát gạch granite; trần thạch cao; sàn vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn.

d) Hệ thống cấp, thoát nước:

- Hệ thống cấp nước: Nước được lấy từ bể chung bơm lên bồn inox đặt trên mái và tự chảy xuống các thiết bị sử dụng;
- Bể phốt: Đáy BTCT, thành xây gạch, trát vữa xi măng;
- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và nước mưa: Nước thải sinh hoạt được thu gom bằng ống nhựa; thoát nước mưa (dùng ống nhựa), nước mặt qua hệ thống rãnh đặt xung quanh nhà rồi đổ ra mạng lưới thoát nước thải chung.

đ) Hệ thống điện, điện nhẹ:

- Nguồn điện lấy từ trạm biến áp tổng, dẫn đến công trình bằng cáp Cu/XLPE bọc PVC; cấp điện trong nhà sử dụng cáp Cu/XLPE bọc PVC đi trong máng cáp hoặc chôn ngầm trong tường; chiếu sáng sử dụng đèn Led các loại.
- Lắp đặt hệ thống tủ điện nhẹ, mạng LAN cho công trình.

e) Chống sét: Sử dụng các kim thu sét thép $\Phi 16$ mạ kẽm lắp đặt trên đỉnh mái; hệ thống tiếp địa sử dụng thép góc kết hợp dây dẫn sét thép.

g) Phòng cháy chữa cháy (PCCC): Sử dụng kết hợp hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy vách tường và bình nội quy, tiêu lệnh PCCC (Tuân thủ ý kiến của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH công an Thành phố Cần Thơ tại Văn bản số 77/PCSPCCC&CNCH ngày 15/3/2022).

h) Chống mối: Hàng rào chống mối bằng thuốc chuyên dụng.

10.2 Xây dựng mới Nhà nuôi trồng thủy sản:

a) Kiến trúc: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 1.021m^2 ; chiều cao đến đỉnh cột 4,85m, đến đỉnh mái 7,45m; mặt bằng bố trí các phòng thực hành và khu vực đặt bể nuôi trồng thủy sản.

b) Kết cấu: Khu vực nhà thực hành sử dụng móng cọc, giằng móng, dầm BTCT; khu vực nuôi trồng thủy sản dùng móng đơn BTCT; cột, giằng, xà gồ thép tráng kẽm; tường bao xây gạch kết hợp lưới inox chống côn trùng;

c) Hoàn thiện:

- Mái lợp tôn kết hợp màng nilon thấu quang; tường bao xây gạch kết hợp lưới inox chống côn trùng;

- Cửa sổ và cửa đi khung nhôm hệ (tương đương Xingfa) kính an toàn;

- Sàn các phòng thực hành lát gạch granite; sàn vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn; trần thạch cao; sàn khu vực nuôi trồng thủy sản đổ bê tông xi măng;

d) Hệ thống cấp, thoát nước:

- Hệ thống cấp nước: Nước cho khu thực hành được lấy từ bể chung bơm trực tiếp vào các bể thực hành; nước cho nhà vệ sinh được bơm vào bồn inox, sử dụng bơm tăng áp đưa đến thiết bị sử dụng;

- Bể phốt: Đáy BTCT, thành xây gạch;

- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và nước mưa: Nước thải sinh hoạt được thu gom bằng ống nhựa u.PVC; thoát nước mưa (dùng ống nhựa), nước mặt qua hệ thống rãnh đặt xung quanh nhà rồi đổ ra mạng lưới thoát nước thải chung của Trường.

đ) Hệ thống điện, điện nhẹ, chống sét, PCCC, chống mối: Tương tự Nhà ăn và căng tin.

10.3 Cải tạo, nâng cấp Nhà hiệu bộ cũ thành thư viện: Giải pháp cải tạo:

- Phá bỏ tường ngăn, cải tạo chuyển đổi công năng của các phòng làm việc thành các phòng thư viện;

- Thay mái tôn, sơn lại xà gồ; làm mới hệ thống thoát nước mái, chống thấm sân;

- Trám vá tường trong, tường ngoài (khoảng 25%), lăn sơn lại toàn bộ tường, dầm, cột, trần trong nhà bằng sơn nước và ngoài nhà bằng sơn chống thấm;

- Lát lại toàn bộ sàn bằng gạch granite; làm mới hệ thống điện và điện nhẹ;
- Thay mới toàn bộ hệ thống cửa sổ, cửa đi bằng cửa khung nhôm hệ (tương đương Xingfa);
- Làm mới bậc cầu thang, sơn lại lan can, tay vịn;
- Cải tạo, ngăn chia lại khu vệ sinh; thay thế thiết bị vệ sinh cũ, hỏng;
- Một số hạng mục cải tạo khác.

10.4 Cải tạo, nâng cấp giảng đường H1: Giải pháp cải tạo:

- Thay mái tôn, sơn lại xà gồ; làm mới hệ thống thoát nước mái, chống thấm sênô;
- Trám vá tường trong, tường ngoài (khoảng 20%), lăn sơn lại toàn bộ tường, dầm, cột, trần trong nhà bằng sơn nước và ngoài nhà bằng sơn chống thấm;
- Lát lại toàn bộ sàn bằng gạch granite; làm mới hệ thống điện và điện nhẹ;
- Thay mới toàn bộ hệ thống cửa sổ, cửa đi bằng cửa khung nhôm hệ (tương đương Xingfa);
- Sơn lại lan can, tay vịn;
- Cải tạo, ngăn chia lại khu vệ sinh; thay thế thiết bị vệ sinh cũ, hỏng;
- Một số hạng mục cải tạo khác.

10.5 Cải tạo Khu giáo dục thể chất (sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng rổ): Diện tích khoảng 6.000m²;

a) Sân bóng đá (cỏ nhân tạo): Diện tích khoảng 4.696m²; sử dụng kết cấu đá dăm đầm chặt, lớp cỏ nhân tạo và lớp cát lấp chân cỏ và hạt cao su; lưới quây sân bóng sử dụng lưới CPE, cáp thép bọc nhựa.

b) Sân bóng chuyền: 02 sân, diện tích mỗi sân khoảng 360m²; kết cấu bê tông xi măng, mặt sơn phủ epoxy.

c) Sân cầu lông: 02 sân, diện tích mỗi sân khoảng 82m²; kết cấu bê tông xi măng, mặt sơn phủ epoxy.

d) Sân bóng rổ: Diện tích khoảng 420m²; kết cấu bê tông xi măng, mặt sơn phủ epoxy.

10.6 Xây dựng mới Xưởng thực hành cơ khí ô tô:

a) Kiến trúc: Nhà 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 850m², tổng diện tích sàn khoảng 1.200m²; chiều cao đến đỉnh mái 11,2m; bước gian 6,0m, nhịp nhà 20,0m; mặt bằng bố trí các phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng chờ giáo viên, nhà vệ sinh; giao thông đứng bằng 02 thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang.

b) Kết cấu: Kết cấu chịu lực chính là hệ khung bê tông cốt thép kết hợp

khung kèo thép hình; móng sử dụng cọc bê tông cốt thép; đài, giằng móng, sàn, cột, dầm bằng BTCT đổ tại chỗ.

c) Hoàn thiện:

- Tường bao xây gạch, trát vữa xi măng, sơn nước bên trong và sơn chống thấm bên ngoài; mái lợp tôn chống nóng;

- Cửa chính khung thép bít tôn; cửa sổ và cửa đi các phòng khung nhôm hệ (tương đương Xingfa) kính an toàn;

- Sàn các phòng học lý thuyết lát gạch granite; sàn phòng thực tập lớn, hành lang, sảnh thang quét phụ gia tăng cứng bề mặt; sàn vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn; thang bộ xây gạch, mặt lát đá granite nhân tạo, tay vịn, song hoa thép tròn; lan can hành lang thép hộp;

d) Hệ thống cấp, thoát nước:

- Hệ thống cấp nước: Nước được lấy từ bể chung bơm lên bồn inox đặt trên mái nhà vệ sinh và tự chảy xuống các thiết bị sử dụng;

- Bể phốt: Đáy BTCT, thành xây gạch;

- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và nước mưa: Nước thải sinh hoạt được thu gom bằng ống nhựa u.PVC; thoát nước mưa (dùng ống nhựa), nước mặt qua hệ thống rãnh đặt xung quanh nhà rồi đổ ra mạng lưới thoát nước thải chung.

đ) Hệ thống điện, điện nhẹ:

- Nguồn điện lấy từ trạm biến áp tổng, dẫn đến công trình bằng cáp Cu/XLPE bọc PVC; cấp điện trong nhà sử dụng cáp Cu/XLPE bọc PVC đi trong máng cáp hoặc chôn ngầm trong tường; chiếu sáng sử dụng đèn Led các loại;

- Lắp đặt hệ thống tủ điện nhẹ, mạng LAN cho công trình.

e) Chống sét: Sử dụng các kim thu sét thép $\Phi 16$ mạ kẽm lắp đặt trên đỉnh mái; hệ thống tiếp địa sử dụng thép góc kết hợp dây dẫn sét thép.

g) Phòng cháy chữa cháy (PCCC): Sử dụng kết hợp hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy vách tường và bình nội quy, tiêu lệnh PCCC (Tuân thủ ý kiến của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH công an Thành phố Cần Thơ tại Văn bản số 77/PCSPCCC&CNCH ngày 15/3/2022).

h) Chống mối: Hàng rào chống mối bằng thuốc chuyên dụng.

10.7 Xây dựng mới Xưởng thực hành Điện công nghiệp – Điện lạnh:

a) Kiến trúc: Nhà 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng $840m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.680m^2$; chiều cao đến đỉnh mái 10,2m; bước gian 6,0m, nhịp nhà 8,0m; mặt bằng bố trí các phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng chờ giáo viên, nhà vệ sinh; giao thông đứng bằng 02 thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang giữa.

b) Kết cấu: Kết cấu chịu lực chính là hệ khung bê tông cốt thép; móng sử dụng cọc bê tông cốt thép; đài, giằng móng, sàn, trần, cột, dầm bằng BTCT đổ tại chỗ.

c) Hoàn thiện; hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống điện, điện nhẹ; chống sét; hệ thống PCCC; chống mối: Tương tự Xưởng thực hành cơ khí ô tô.

10.8 Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (khu A và khu B)

a) Sân bê tông: Diện tích khoảng 6.100m^2 (khu A khoảng 2.940m^2 ; khu B khoảng 3.160m^2), kết cấu cấp phối đá dăm dày 15cm, bê tông xi măng dày 15cm.

b) Bó vỉa: Chiều dài khoảng 4462m (khu A khoảng 2605m, khu B khoảng 1857m), kết cấu bê tông đúc sẵn.

c) Rãnh thoát nước (khu A): Chiều dài khoảng 225m, đáy đổ BTCT, thành xây gạch.

d) Trạm bơm, bể nước Phòng cháy chữa cháy:

- Trạm bơm: 02 trạm, diện tích mỗi trạm khoảng 10m^2 , tường xây gạch, giằng móng, mái BTCT.

- Bể nước PCCC: 02 bể, dung tích tổng cộng khoảng 420m^3 ; đáy, thành, nắp bể BTCT.

đ) Đường giao thông nội bộ: Chiều dài khoảng 2.465m (khu A khoảng 1.495m; khu B khoảng 970m), kết cấu bê tông nhựa hạt mịn dày 6cm; cấp phối đá dăm loại I dày 25cm.

e) Thoát nước mưa: Chiều dài khoảng 2155m (khu A khoảng 1263m, khu B khoảng 892m), sử dụng cống BTCT và phụ kiện đồng bộ kèm theo.

g) Thoát nước thải: Chiều dài khoảng 1020m (khu A khoảng 650m, khu B khoảng 370m), sử dụng cống BTCT và phụ kiện đồng bộ kèm theo.

h) Cấp nước sạch: Chiều dài khoảng 1520m (khu A khoảng 940m, khu B khoảng 580m), sử dụng ống HDPE và phụ kiện đồng bộ kèm theo.

10.9 Mua sắm trang thiết bị công trình.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

11.1. Số bước thiết kế : 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

11.2 Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng: QCVN 01:2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng; QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng; QCVN 12:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng; TCVN 9210:2012 Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế; TCXD 29:1991 Chiếu sáng tự nhiên trong công trình dân dụng – Tiêu chuẩn thiết kế; Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư:

12.1 Tổng mức đầu tư dự án thành phần lập theo quy định tại Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn, giá vật tư, giá vật liệu, giá nhân công, ca máy và thiết bị thi công theo công bố giá tháng 12/2023 (số 4273/SXD-QLXD ngày 26/12/2023) của Thành phố Cần Thơ và mặt bằng giá thị trường khu vực tại thời điểm trình tổng mức đầu tư.

12.2 Tổng mức đầu tư DATP: **120.000.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi tỷ đồng), chia ra:

- Chi phí xây dựng	93.172.425.000 đồng
- Chi phí thiết bị	2.108.752.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	1.784.963.000 đồng
- Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	6.027.007.000 đồng
- Chi phí khác	787.667.000 đồng
- Chi phí dự phòng	16.119.186.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục)

13. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách nhà nước (giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê Tổ chức tư vấn quản lý dự án.

15. Tiến độ thực hiện dự án thành phần: 04 năm.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10:

- Là đơn vị đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có), tổng hợp báo cáo Bộ các nội dung có liên quan trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ trong đầu tư toàn dự án;

- Cung cấp các hồ sơ tài liệu có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho Chủ đầu tư dự án thành phần để triển khai các bước tiếp theo;

- Chủ trì hoàn thiện hồ sơ trình quyết toán các chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án theo quy định;

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án và các nhiệm vụ khác theo quy định.

2. Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc tổ chức, quản lý thực hiện và nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án thành phần theo quy định;

- Tổ chức quản lý và thực hiện dự án theo đúng nội dung Quyết định đầu tư, các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án đầu

tư, quản lý chi phí đầu tư và quản lý chất lượng công trình xây dựng đảm bảo đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả;

- Trình Bộ (qua Cục QLXDCT) thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định có liên quan;

- Trong giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công, tiếp tục nghiên cứu, so sánh, lựa chọn giải pháp thiết kế móng cho các hạng mục được đầu tư, đảm bảo an toàn và tiết kiệm;

- Tổ chức lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, trình Cục QLXDCT thẩm định trước khi phê duyệt;

- Lập hồ sơ thanh quyết toán các chi phí giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng DATP theo quy định.

- Làm việc với các cơ quan quản lý xây dựng, phòng cháy chữa cháy, cấp điện, cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường... tại địa phương về các thủ tục có liên quan theo quy định.

3. Vụ Kế hoạch: Tham mưu Bộ bố trí nguồn vốn ngân sách theo tiến độ thực hiện dự án thành phần và kế hoạch vốn trung hạn được duyệt.

4. Vụ Tài chính: Chủ trì quyết toán năm và quyết toán hoàn thành dự án thành phần; hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục về xử lý tài sản theo quy định.

5. Cục Quản lý xây dựng công trình: Thực hiện trách nhiệm cơ quan chủ trì thẩm định và cơ quan chuyên môn về xây dựng, giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10, Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Kho bạc NN (TƯ và ĐP);
- Lưu VT, XD (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Hiệp



Phụ lục:

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án thành phần "DATP2: Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất
Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ"

thuộc dự án "Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho khối Trường
khu vực Đông Nam Bộ và đồng bằng Sông Cửu Long"

(Kèm theo Quyết định số 6046 /QĐ-BNN-XD ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	93.172.425
I.1	Khu A (Khu trung tâm)	29.511.950
1	Xây dựng mới Nhà ăn và căng tin thuộc khu ký túc xá	8.092.883
2	Xây dựng mới Nhà nuôi trồng thủy sản	6.460.493
3	Cải tạo, nâng cấp Nhà hiệu bộ cũ thành Thư viện	4.498.528
4	Cải tạo, nâng cấp giảng đường H1	3.296.630
5	Cải tạo khu giáo dục thể chất	7.163.416
I.2	Khu B (Xưởng thực hành)	36.657.066
6	Xây dựng mới Xưởng thực hành cơ khí ô tô	15.732.054
7	Xây dựng mới xưởng thực hành điện công nghiệp - điện lạnh	20.925.012
I.3	Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (Khu A và Khu B)	27.003.410
8	Cấp điện cấp nước tổng thể	330.126
9	Hệ thống cấp nước	1.171.819
10	Thoát nước thải	1.827.224
11	Thoát nước mưa	6.483.161
12	Đường giao thông	16.110.447
13	Trạm bơm kết hợp bể nước PCCC số 1	617.798
14	Trạm bơm kết hợp bể nước PCCC số 2	462.836
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	2.108.752
1	Thiết bị công trình	2.108.752
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	1.784.963
3.1	Giai đoạn chuẩn bị dự án	25.992

Nam

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
3.2	Giai đoạn thực hiện đầu tư và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng	1.758.971
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	6.027.007
IV.1	Giai đoạn chuẩn bị dự án	1.088.474
1	Chi phí lập đề cương, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư	15.753
2	Chi phí khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	937.865
	- Khảo sát địa hình	101.521
	- Khảo sát địa chất	415.038
	- Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	421.305
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo NCKT	104.130
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	6.015
5	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng	22.406
6	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT	2.305
IV.2	Giai đoạn thực hiện đầu tư và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng	4.938.533
7	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng (tạm tính)	17.364
8	Chi phí khảo sát địa hình giai đoạn BVTC (tạm tính)	54.541
9	Chi phí khảo sát địa chất giai đoạn BVTC (tạm tính)	524.243
10	Chi phí thiết kế BVTC và dự toán xây dựng	1.997.058
11	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	95.781
12	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	93.452
13	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT; chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT tư vấn	24.138
-	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	20.550
-	Chi phí thẩm định HSMT	1.794
-	Chi phí thẩm định kết quả LCNT	1.794
14	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT; chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT thi công xây dựng	201.252
-	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	108.080
-	Chi phí thẩm định HSMT	46.586

Nam

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
-	<i>Chi phí thẩm định kết quả LCNT</i>	46.586
15	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT; chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT thiết bị	8.034
-	<i>Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT</i>	5.926
-	<i>Chi phí thẩm định HSMT</i>	1.054
-	<i>Chi phí thẩm định kết quả LCNT</i>	1.054
16	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.590.640
17	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	15.141
18	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng (tạm tính)	23.568
19	Chi phí thẩm định giá thiết bị (tạm tính)	21.088
20	Chi phí thí nghiệm nén tĩnh cọc	272.233
V	CHI PHÍ KHÁC	787.667
V.1	<i>Giai đoạn chuẩn bị dự án</i>	36.544
1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Báo cáo NCKT)	14.400
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán giai đoạn CBDA	6.524
3	Chi phí thẩm định báo cáo NCKT	15.620
V.2	<i>Giai đoạn thực hiện đầu tư và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng</i>	751.123
4	Phí thẩm định thiết kế BVTC	56.581
5	Phí thẩm định dự toán xây dựng	54.972
6	Phí thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy	6.120
7	Chi phí bảo hiểm công trình	74.538
8	Chi phí kiểm toán độc lập	392.514
9	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	116.398
10	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu (tạm tính)	50.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	16.119.186
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng, công việc phát sinh	10.388.081
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	5.731.105
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)	120.000.000

Nam

1954
"The Great Wall"
The Great Wall
The Great Wall
The Great Wall